

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2024/TLST- DS, ngày 18/6/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* **NGÂN HÀNG TMCP Đ (S).**

Địa chỉ: Số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Văn T** - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Lã Thị H** - PGĐ khối xử lý nợ.

Theo giấy ủy quyền số 469/2023/UQ-SeABank ngày 18/7/2023.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà **Nguyễn Thị T1** - Chuyên viên chính XLN - Khối xử lý nợ.

Theo giấy ủy quyền số 15141/2023/UQ-SeABank ngày 29/9/2023.

- *Đồng bị đơn:*

1/ Ông **Vũ Văn H1**, sinh năm 1968.

2/ Bà **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1971.

Thường trú tại: Đ, thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về số tiền nợ và trách nhiệm trả nợ:**

Tính đến ngày 22/8/2024 tổng nghĩa vụ phải trả các khoản vay của ông H1, bà H2 phải trả Ngân hàng S là **3.446.391.196đ**.

Trong đó:

- Khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số REF2134800246/HDTD/HN6-VVH ngày 15/12/2021: nợ gốc 2.800.780.000đ; lãi trong hạn: 491.554.602đ; lãi quá hạn chưa trả: 66.769.687đ. Tổng cộng: 3.359.104.289đ.

- Khoản vay Hợp đồng hạn mức, phát hành sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Visa) ngày 15/11/2021: nợ gốc 50.000.000; lãi quá hạn chưa trả: 37.286.907đ. Tổng cộng: 87.286.907đ.

## 2.2. Về phương án trả nợ:

- Đến ngày 30/11/2024 ông H1, bà H2 phải thanh toán cho Ngân hàng S số tiền gốc là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng), Theo theo Hợp đồng cho vay từng lần số REF2134800246/HDTD/HN6-VVH ngày 15/12/2021.

- Đến ngày 31/12/2024 ông H1, bà H2 phải thanh toán cho Ngân hàng S số tiền gốc và lãi còn lại 1.359.104.289đ (Một tỷ ba năm chín triệu một trăm linh tư nghìn hai trăm tám chín đồng), theo theo Hợp đồng cho vay từng lần số REF2134800246/HDTD/HN6-VVH ngày 15/12/2021 và tiền gốc; lãi là 87.286.907đ (T2 mươi bảy triệu hai trăm tám sáu nghìn chín trăm linh bảy đồng) theo Hợp đồng hạn mức, phát hành sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Visa) ngày 15/11/2021.

Kể từ ngày 23/8/2024 ông H1, bà H2 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi, thuế, phí phát sinh mà hai bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay từng lần số REF2134800246/HDTD/HN6-VVH ngày 15/12/2021 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Kể từ ngày 23/8/2024 ông H1, bà H2 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi, thuế, phí phát sinh mà hai bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng hạn mức, phát hành sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Visa) ngày 15/11/2021 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Trong lộ trình trả nợ, nếu ông H1, bà H2 vi phạm bất kì một kỳ hạn trả nợ nào theo như thỏa thuận trên thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất số REF2134800246/HDTTC/HN6-VVH ngày 15/12/2021, có số công chứng 2713 quyền số 03/2021.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2021 ký tại Phòng C tỉnh Hưng Yên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 298 tờ bản đồ số 8, diện tích 92,5 m<sup>2</sup> tại xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DD441731, vào sổ cấp GCN: CS04232 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh H cấp ngày 02/12/2021 để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền phát mại từ tài sản thế chấp nêu trên còn thừa so với nghĩa vụ của ông H1, bà H2 phải trả cho Ngân hàng S thì số tiền thừa đó được trả lại cho ông H1, bà H2. Trường hợp số tiền phát mại từ tài sản thế chấp không đủ thanh toán trả cho Ngân hàng S thì ông H1, bà H2 vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nốt số nợ còn thiếu cho Ngân hàng S bằng các tài sản hợp pháp khác của ông H1, bà H2 cho đến khi thực hiện xong việc trả nợ.

**3. Về án phí, chi phí tố tụng:** ông H1, bà H2 phải trả cho Ngân hàng S 8.000.000đ (Tám triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Về án phí: ông H1, bà H2 chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 3.446.391.196đ là: (72.000.000đ + (2% x 1.446.391.196đ): 2 = 50.463.911đ (Năm mươi triệu bốn trăm sáu ba nghìn chín trăm mười một đồng).

Hoàn trả lại Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), theo biên lai thu số 0002184, ngày 18/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

**4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân**

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Chi cục THADS huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Việt Cường**